

TÍN DỤNG ĐỐI VỚI CHỦ THỂ NGOÀI DOANH NGHIỆP

GV: NGUYỄN THỊ THU TRANG

NỘI DUNG

- TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HỘ NÔNG DÂN
- TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

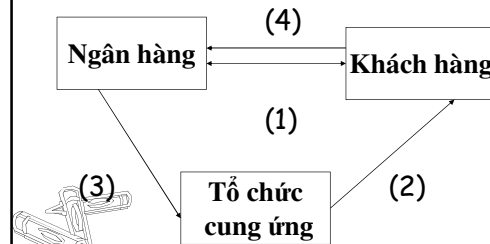
CHO VAY HỘ NÔNG DÂN

Đặc điểm cơ bản:

- Tính chất thời vụ gắn liền với chu kỳ sinh trưởng của động thực vật
- Môi trường tự nhiên ảnh hưởng đến thu nhập và khả năng trả nợ của khách hàng
- Chi phí tổ chức cho vay cao

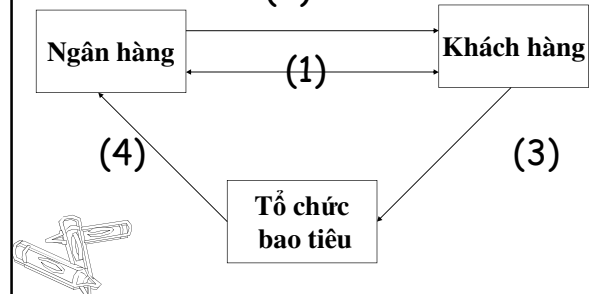
CÁC PHƯƠNG THỨC TỔ CHỨC CHO VAY

- Cho vay trực tiếp
- Có sự tham gia của bên cung ứng



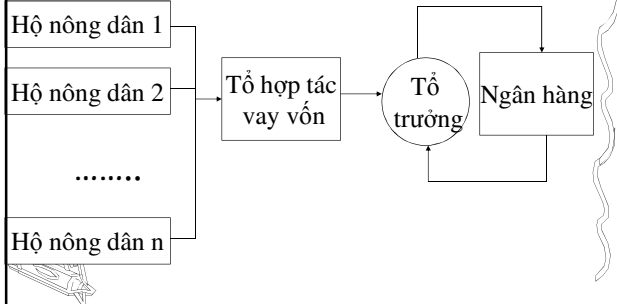
Cho vay trực tiếp

- Có sự tham gia của bên bao tiêu (2)



CÁC PHƯƠNG THỨC TỔ CHỨC CHO VAY (tt)

• Cho vay bán trực tiếp

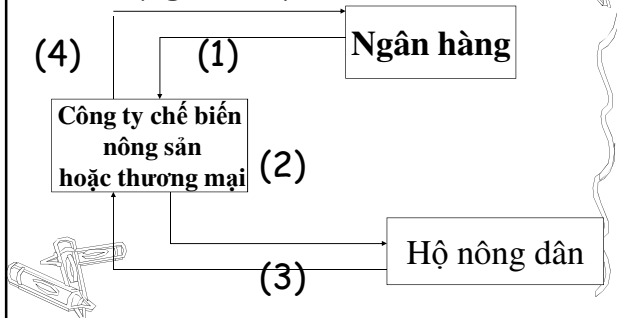


• Chú ý:

- Tổ hợp tác thường gồm 10-40 hộ gia đình
- Các hộ gia đình thường gần gũi nhau ở một số mặt, cùng áp, cùng canh tác một giống cây trồng, nuôi một loại vật nuôi, hoặc giống nhau về mục đích vay vốn.
- Tổ phải được thành lập trên cơ sở tự nguyện
- Mỗi hộ làm giấy đề nghị vay vốn
- Tổ trưởng là người tập hợp giấy đề nghị vay vốn, nhận tiền từ ngân hàng và trực tiếp trả nợ ngân hàng

CÁC PHƯƠNG THỨC TỔ CHỨC CHO VAY (tt)

• Cho vay gián tiếp



Kỹ thuật cấp

- Cho vay từng lần
- Cho vay theo phương án/dự án sản xuất
- Cho vay theo HMTD

Cho vay từng lần

- Thủ tục đơn giản
- Thời gian thẩm định nhanh
- NH xây dựng sẵn hệ thống chi phí

Cho vay theo PA/DA sản xuất

- Ngành trồng trọt
- Ngành chăn nuôi
- Ngành thủy sản

Mức cho vay

- Ngân hàng xác định dựa trên nhu cầu thực tế của nông dân, định mức chi phí sản xuất, diện tích canh tác, số gia súc, đơn vị mã lực của tàu đánh bắt thủy hải sản

Thời hạn cho vay - kỳ hạn nợ

Tùy từng ngành nghề, thời vụ của từng giống cây trồng, vật nuôi

Thu nợ, tính và thu lãi

Thông thường:

Gốc + lãi trả một lần khi đáo hạn

Mức cho vay

= Tổng nhu cầu vay- chi phí nông dân tự trang trải

Chi phí nông dân tự trang trải: sức kéo, chuồng trại,....

Các chi phí không thuộc đối tượng cho vay:

- Chi phí cày bừa
- Chi phí gieo, chăm sóc
- Chi phí thu hoạch
- Thuế
- Chi phí chuồng trại

Cho vay theo HMTD

Hạn
mức
tín
dụng

=

Tổng nhu
cầu vốn
lưu động
trong kỳ

- Vốn tự có
của khách
hàng tham
gia trong
kỳ

Vốn
khác
(nếu
có)

Tổng nhu cầu vốn lưu động trong kỳ xác định ntn?

$$\text{NCVLĐ trong kỳ} = \frac{\text{Tổng chi phí sxkd trong kỳ}}{\text{VQVLĐ}}$$

Một ngân hàng nông nghiệp huyện C xây dựng số liệu:

A. Chi phí nuôi heo thịt (tính cho 6 tháng)

+ Giống: 450.000đ/con

+ Thức ăn: 630.000đ/con

+Thuốc : 50.000đ/con

+Chuồng trại: 20.000đ/con

+Thuế: 10.000đ/con

B. Doanh thu

+ Bán heo: 1.400.000đ/con

Yêu cầu: + Xác định mức tiền vay cho chăn nuôi heo thịt theo số liệu trên

+ Một hộ nông dân có nhu cầu vay nuôi 30 con heo thịt. Xác định mức cho vay, thời hạn vay, dự kiến kỳ hạn trả nợ, tính lãi của hộ nông dân

+ Nêu một biến cố rủi ro cho khoản vay, đề xuất biện pháp khắc phục

Biết rằng: LSCV=0.85%/tháng

Trong chi phí thuộc đối tượng cho vay, nông dân có thể đáp ứng :20%

NỘI DUNG

- TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HỘ NÔNG DÂN
- TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

Nội dung chính

1. Đặc điểm tín dụng tiêu dùng
2. Các sản phẩm tín dụng tiêu dùng
3. Kỹ thuật cấp tín dụng

Đặc điểm tín dụng tiêu dùng

- Qui mô nhỏ
- Rủi ro cao
- Nhu cầu phụ thuộc vào chu kỳ kinh tế
- Nhu cầu ít co giãn với lãi suất

Đặc điểm tín dụng tiêu dùng

- Chất lượng thông tin không cao
- Nguồn trả nợ phụ thuộc thu nhập cá nhân: thời gian, kỹ năng, kinh nghiệm, nguồn khác.
- Tư cách người vay khó xác định

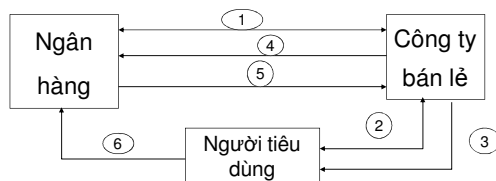
Nội dung chính

1. Đặc điểm tín dụng tiêu dùng
2. Các sản phẩm tín dụng tiêu dùng
3. Kỹ thuật cấp tín dụng

Phân loại TDTD

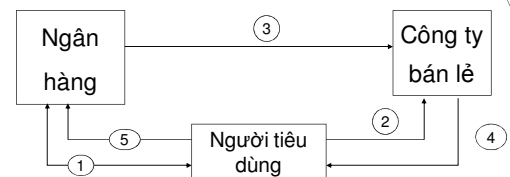
- Căn cứ nguồn gốc trả
 - Tín dụng gián tiếp
 - Tín dụng trực tiếp

Tín dụng gián tiếp



1. NH và Cty bán lẻ ký HĐ mua bán nợ
2. Cty bán lẻ và KH ký HĐ mua bán chịu
3. Cty bán lẻ giao hàng
4. Cty Bán lẻ giao bộ chứng từ cho NH
5. NH thanh toán tiền cho công ty bán lẻ
6. Người tiêu dùng thanh toán tiền cho NH

Tín dụng trực tiếp



1. NH và người TD ký HĐ vay
2. Người TD trả trước một phần tiền mua tài sản cho c.ty b.lẻ
3. NH thanh toán số tiền còn thiếu cho C.ty bán lẻ
4. Công ty Bán lẻ giao tài sản cho người tiêu dùng
5. Người tiêu dùng thanh toán tiền cho NH

Các loại TDTD

- Phương thức hoàn trả
 - Tín dụng trả góp
 - Tín dụng phi trả góp
 - Tín dụng tuần hoàn (thấu chi)

Nội dung chính

1. Đặc điểm tín dụng tiêu dùng
2. Các sản phẩm tín dụng tiêu dùng
3. Kỹ thuật cấp tín dụng

Kỹ thuật cấp TDTD

- **Mức cho vay** : NH cho vay tiêu dùng mức cho vay phụ thuộc vào mức thu nhập, trình độ học vấn,...có nhiều yếu tố liên quan

Thời hạn cho vay và số kỳ hạn trả nợ

NH xem xét nhu cầu vay, loại tài sản cần tài trợ và mức chi tiêu hàng tháng của khách hàng mà định ra thời hạn cho vay và số kỳ hạn trả nợ.

Thu nợ, tính và thu lãi

- Phương pháp gộp:

SỐ TIỀN PHẢI TRẢ HÀNG KỲ

$$T = \frac{V+L}{n}$$

V: VỐN GỐC
L: TỔNG LÃI

LSCV

$$L = V \cdot R \cdot n$$

Số kỳ hạn vay

Thu nợ, tính và thu lãi (tt)

- Quy tắc phân bổ lãi: quy tắc 78 (n=12)
(n= 1+2+3+...+12= 78)

$$I_j = \frac{(n-j+1) \cdot L}{n(n+1)/2}$$

Phương pháp gộp - Lãi suất thực

$$\begin{array}{l} \text{Lãi suất thực} \\ \text{còn gọi là lãi suất} \\ \text{hiệu dụng} \end{array} = \frac{2 \cdot m \cdot L}{V(n+1)}$$

m Là số kỳ hạn thanh toán trong một năm

L Tổng số lãi phải trả

V Vốn gốc ban đầu.

n Số kỳ hạn của món vay.

Thu nợ, tính và thu lãi (tt)

• Phương pháp lãi đơn:

Gốc trả đều (V/n)

Lãi tính trên dư nợ giảm dần

Ví dụ phân bổ lãi và gốc

Một khoản vay 30 triệu, lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 6 tháng (từ tháng 9 năm 2008 đến hết tháng 2/2009). Phân bổ gốc và lãi mỗi kỳ theo:

- Phương pháp gộp
- Phương pháp đường thẳng

Ví dụ phân bổ lãi và gốc

Vốn gốc (1)	=	30.000.000 đồng
Tổng số tiền lãi (2)	=	30.000.000 * 6% = 1.800.000 đồng
Tổng số tiền KH phải trả (3) = (1) + (2)	=	31.800.000 đồng
Số kỳ trả nợ (4)	=	6
Số tiền trả mỗi kỳ = (3)/(4)	=	5.300.000 đồng

Phân bổ lãi theo qui tắc 78

Tháng	Tổng số tiền thu nợ một kỳ	Phân bổ cho các kỳ		
		Lãi		Gốc
		Tỉ lệ	Số tiền	
09/08	5.300.000	6	514.285,7	4.785.714,3
10/08	5.300.000	5	428.571,4	4.871.428,6
11/08	5.300.000	4	342.857,1	4.957.142,9
12/08	5.300.000	3	257.142,9	5.042.857,1
Năm 2008	21.200.000	18	1.542.857,1	19.657.142,9
01/09	5.300.000	2	171.428,6	5.128.571,4
02/09	5.300.000	1	85.714,3	5.214.285,7
Năm 2009	10.600.000	3	257.142,9	10.342.857,1
Tổng cộng	31.800.000	21	1.800.000,0	30.000.000,0

Phân bổ lãi theo PP đường thẳng

	Tổng số tiền thu nợ một kỳ	Phân bổ cho các kỳ	
		Lãi	Gốc
Tháng 9/08	5.300.000	300.000,0	5.000.000,0
10/08	5.300.000	300.000,0	5.000.000,0
11/08	5.300.000	300.000,0	5.000.000,0
12/08	5.300.000	300.000,0	5.000.000,0
Cộng 2008	21.200.000	1.200.000,0	20.000.000,0
Tháng 01/09	5.300.000	300.000,0	5.000.000,0
02/09	5.300.000	300.000,0	5.000.000,0
Cộng 2009	10.600.000	600.000,0	10.000.000,0
Tổng cộng	31.800.000	1.800.000,0	30.000.000,0

KH vay 30 triệu, 6 tháng - từ tháng 9/2008 đến hết tháng 2 năm 2009), giả sử đến hết tháng 12/2008 khách hàng trả nợ toán bộ số tiền còn lại.

Vấn đề đặt ra là thanh toán tiền gốc và lãi như thế nào?

Vấn đề trả nợ trước hạn xử lý như thế nào?

1. Tổng số lãi NH dự tính thu: = 1.800.000 đồng.
2. Số lãi NH được hưởng là:
= $1.800.000 \times 18/21 = 1.542.857$ đồng.
3. Tổng số lãi KH đã thanh toán cho NH (4 kỳ)
= $4 \times 300.000 = 1.200.000$ đồng.
4. Số tiền NH thu thêm cho NH(+) hoặc phải trả lại cho KH (-) = $1.542.857 - 1.200.000 = + 342.857$

Bài tập

Một khoản vay 50 triệu, được trả đều gốc và lãi mỗi kỳ (theo phương pháp gộp, thời hạn vay 5 năm, mỗi năm trả 1 lần vào cuối kỳ, lãi suất 10% năm. Hãy xác định

1. Lãi suất hiệu dụng
2. Số tiền thanh toán mỗi kỳ, trong đó gốc và lãi là bao nhiêu (lãi phân bổ theo phương pháp đường thẳng)
3. Trường hợp đến hết kỳ thứ 3 KH trả hết nợ cho NH thì lãi được phân bổ lại như thế nào (theo qui tắc 78).

Ông An là viên chức Nhà nước, muốn vay để sửa nhà : 70trđ, trong 12 tháng. Lãi suất áp dụng là 1%/tháng. Trả theo phương pháp lãi đơn.

Biết rằng: thu nhập từ lương chính của ông An là 6trđ/ tháng, thu nhập phụ từ cho thuê nhà và lãi cổ phiếu :60trđ/năm, chi tiêu hết $\frac{3}{4}$ thu nhập chính.

Thời hạn cho vay như vậy có hợp lý không? Có thể rút ngắn thành 10 tháng được không? tại sao?

Nếu ông muốn trả lãi hàng tháng, gốc trả một lần khi đáo hạn thì NH sẽ xử lý thế nào?

Dự kiến 2 rủi ro đối với khoản vay và đề xuất giải pháp giảm thiểu rủi ro

Cô Minh 35 tuổi là kế toán một cty TNHH, mức lương là 3,5 trđ/tháng và được chuyển vào tài khoản tại NHS. Cô muốn mua xe trị giá :45trđ (chưa kể thuế trước bạ: 2trđ). Xe cũ của cô nếu bán đi trị giá 15trđ. Cô gửi hồ sơ vay tới NHS. Cô hiện đang sống với mẹ già tại ngôi nhà thuộc sở hữu của 2 mẹ con trị giá 400trđ. Một phần ngôi nhà cho thuê với mức thu nhập 1,5trđ/tháng.

Cho biết cơ sở để chấp nhận hoặc từ chối cho vay của NH? Nếu chấp nhận hãy xác định mức cho vay, thời hạn vay?

Biết rằng: LSCV=0,9%/tháng, chi tiêu hàng tháng của 2 mẹ con cô Minh là 2,5trđ/tháng.

Thời hạn tối đa cho vay mua xe là 18 tháng

Ông Bình xin vay tiêu dùng 120 trđ, trong 12 tháng. Lãi suất NH áp dụng=0,85%/tháng. Trả nợ theo phương pháp gộp.

Mức chi tiêu hàng tháng của ông là 3,5 trđ/tháng

Xác định mức thanh toán hàng tháng cho NH của ông Bình?

Xác định mức thu nhập tối thiểu của ông Bình để đảm bảo khả năng trả nợ cho NH?

Anh /chị hãy cho biết NH áp dụng phương pháp gộp hay phương pháp lãi đơn thì có lợi cho ông Bình hơn?